

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: TRƯỜNG MN THÁI MỸ

Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Củ Chi, ngày 28 tháng 01 năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV/ 2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị

dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Mầm Non Thái Mỹ công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý IV/2022 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

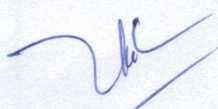
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý IV/2022	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý IV/2022 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	6.008.839.805	2.478.121.482	41,24	129,24
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.539.265.805	1.626.611.709	35,83	145,98
6000	Tiền lương	1.862.385.049	389.946.543	20,94	96,64
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng				-
6100	Phụ cấp lương	1.040.927.755	308.466.457	29,63	141,28
6200	Chi tiền thưởng	13.857.000	0	0,00	-
6300	Các khoản đóng góp	485.977.193	131.535.015	27,07	97,12
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	521.000.000	280.700.706		#DIV/0!
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	31.000.000	15.642.587	50,46	631,26
6550	Vật tư văn phòng	25.000.000	4.107.000	16,43	21,04
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	33.000.000	9.827.996	29,78	87,08
6700	Công tác phí	29.400.000	8.130.000	27,65	123,18
6750	Chi phí thuê mướn	409.000.000	140.440.000	34,34	176,40
6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	44.000.000	10.290.000	23,39	106,08
6950	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	14.000.000		0,00	#DIV/0!
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	15.718.808	2.200.000	14,00	100,00
7050	Mua sắm tài sản vô hình	10.000.000	-	0,00	#DIV/0!
7750	Chi khác	4.000.000	326.700	8,17	77,95
7950	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định.	0	324.998.705	#DIV/0!	144,31
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.469.574.000	851.509.773	57,94	106,02
6100	Phụ cấp lương	721.935.000	230.771.052	31,97	103,70

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý IV/2022	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý IV/2022 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
6150	Học bổng học sinh sinh viên	7.200.000	8.400.000	116,67	37,67
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	710.439.000	464.738.721	65,42	87,47
6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	30.000.000	30.000.000	100,00	111,11
7750	Chi khác		117.600.000	#DIV/0!	#DIV/0!

Ngày 28 tháng 01 năm 2023

Kế toán

Thủ trưởng đơn vị


Nguyễn Thị Hồng Vân



Nguyễn Thị Nữ